

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 16-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Cao Hoài Hiem;

Ông Trần Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1999; có mặt.

Cư trú tại: khu phố G, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: khu phố S, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* anh Võ Hồng N, sinh năm 1989; có mặt.

Cư trú tại: khu phố G, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:*

Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2019, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L. Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình của anh N tại khu phố G, phường L, chị làm công nhân, anh N làm thợ hồ. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát

sinh mâu thuẫn do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, giữa vợ chồng có nhiều bất đồng tư tưởng trong sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái nên thường xuyên gây gổ nhau; giữa chị và mẹ ruột của anh N cũng có mâu thuẫn, không thể chung sống hòa hợp với nhau. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ tháng 02-2022 đến nay, chị đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Võ Thanh Y, sinh ngày 11-11-2020 hiện đang sống chung với chị. Cháu Y rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Võ Hồng N trình bày:*

Anh xác định lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn là đúng. Giữa anh và chị D có mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng trong việc nuôi con, thường xuyên gây gổ nhau. Nay anh đồng ý ly hôn chị D.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Võ Thanh Y, sinh ngày 11-11-2020 hiện đang sống chung với chị D. Khi ly hôn, anh yêu cầu chị D giao cháu Y cho anh được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý giao cháu Y cho chị D nuôi dưỡng vì hiện tại chị D đang sống cùng mẹ ruột của chị D tại nhà trọ, không đảm bảo việc nuôi dưỡng, phát triển cháu Y.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Võ Hồng N.

Về con chung: giao cháu Võ Thanh Y, sinh ngày 11-11-2020 cho chị Nguyễn Thị Kiều D được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Võ Hồng N. Yêu cầu của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh N chung sống với nhau từ năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng chị D, anh N xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, tình cảm phai nhạt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã tự ly thân từ tháng 02-2022 đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn chị D. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh N là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị D và anh N có 01 người con chung là cháu Võ Thanh Y, sinh ngày 11-11-2020, hiện đang theo sống cùng chị D. Khi ly hôn, chị D và anh N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y.

Xét điều kiện kinh tế của chị D và anh N là như nhau vì chị D và anh N đều có công việc và thu nhập ổn định; tuy hiện tại chị D sống tại nhà thuê cùng mẹ ruột nhưng hàng ngày cháu Y cũng được đi học tại trường mầm non; từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Y theo sống cùng chị D, cháu phát triển rất tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác, cháu Y hiện tại vẫn còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên rất cần được sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ; tại phiên tòa, anh N và chị D cùng thừa nhận từ khi cháu Y được sinh ra thì chị D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Y. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện cho cháu Y, Hội đồng xét xử giao cháu Y cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị D

không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: ghi nhận chị D, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị D và anh N trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Võ Hồng N.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ Thanh Y, sinh ngày 11-11-2020 cho chị Nguyễn Thị Kiều D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị D và anh N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Nguyễn Thị Kiều D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026690 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị D, anh N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường L;
- Các đương sự;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Thị Minh Thư**